

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 02-02-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Bích Phượng

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 150/2023/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V; sinh năm: 1984; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Đình Th; sinh năm 1973; địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải chị Phạm Thị V trình bày: Chị V và anh Th tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2004. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm tới ai. Nay chị V. thấy vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị V được ly hôn với anh Nguyễn Đình Th.

Về nuôi con chung: Vợ chồng chị V có 03 con chung, tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27-3-2005; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 27-3-2005 và Nguyễn

Quốc T, sinh ngày 18-10-2018. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Quốc H đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị V có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Quốc T đến tuổi thành niên và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, các phiên hòa giải bị đơn anh Nguyễn Đình Th. trình bày:

Về hôn nhân: Anh Th khai vợ chồng tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2004. Vợ chồng sống bình thường đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị V tự ý bỏ nhà đi vào Sài Gòn làm ăn. Đến năm 2023 thì anh Th phát hiện vợ có quan hệ ngoại tình. Nay chị V yêu cầu ly hôn thì anh Th không đồng ý.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 03 con chung, tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27-3-2005; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 27-3-2005 và Nguyễn Quốc T sinh ngày 18-10-2018. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Quốc H đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Nguyễn Quốc T hiện nay đang ở với mẹ. Nếu ly hôn anh Th không chấp nhận giao con cho vợ nuôi vì vợ đi ngoại tình.

Về chia tài sản chung: Anh Th khai về tài sản chung chị Phạm Thị V giữ số tiền mặt là 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu đồng); anh Th giữ số tiền mặt là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng) và một chiếc ô tô hiệu Hyundai, Biển kiểm soát 92A 14942 (có thỏa thuận chia đôi)". Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục tố tụng; nguyên đơn thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị V. Về nuôi con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18-10-2018 cho chị V nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: chị V không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Chị Phạm Thị V yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và yêu cầu giải quyết về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Đình Th có nơi cư trú tại thôn M, xã Tam T, huyện P, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình tố tụng, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đến chị V và anh Th, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Đình Th tự nguyện tìm hiểu và xác lập quan hệ hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam vào năm 2004, là hôn nhân hợp pháp. Chị V cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2023 đến nay, phần ai nấy sống, không ai quan tâm tới ai. Anh Th cũng thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ năm 2021 đến nay. Chị V tự ý bỏ nhà đi vào Sài Gòn làm ăn. Đến năm 2023 thì anh Th phát hiện vợ có quan hệ ngoại tình. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, chị V kiên quyết ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm; về phía anh Th, Tòa án đã thực hiện việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định yêu cầu anh Th đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng anh Th không đến Tòa, điều này thể hiện việc không coi trọng việc hàn gắn hạnh phúc gia đình của anh Th. Thực tế thì chị V và anh Th đã không cùng chung sống từ tháng 6/2023 đến nay và cả chị V và anh Th đều cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn. Do đó, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị V và anh Th đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Đình Th ly hôn.

[2.2] Về nuôi con chung: Chị V và anh Th. có 03 con chung tên là Nguyễn Thị Thanh T, sinh ngày 27-3-2005; Nguyễn Quốc H, sinh ngày 27-3-2005 và Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18-10-2018. Hiện nay cháu Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Quốc H đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Nguyễn Quốc T hiện nay dưới 18 tuổi, khi ly hôn chị V và anh Th đều có nguyện vọng nuôi cháu Nguyễn Quốc T. Xét thấy, từ khi vợ chồng không chung sống với nhau, cháu Tuấn ở với chị V, do chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu Tuấn phát triển ổn định về thể lực và trí lực; chị V có công việc và có thu nhập đủ điều kiện để chăm sóc con chung, để tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển tâm, sinh lý, ổn định việc sinh hoạt và học tập của con chung, cần giao cho chị V tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quốc T đến khi trưởng thành, là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự

không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về chia tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Th khai tài sản chung, gồm chị Phạm Thị V giữ số tiền mặt là 550.000.000 (Năm trăm năm mươi triệu đồng); anh Th giữ số tiền mặt 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu đồng) và một chiếc ô tô hiệu Hyundai, Biển kiểm soát 92A 14942 (có thỏa thuận chia đôi)”.
Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh Th trường hợp có yêu cầu Tòa giải quyết về việc chia tài sản chung thì trình bày yêu cầu gửi cho Tòa án, nhưng anh Th. không trình bày về yêu cầu đối với việc giải quyết tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết về chia tài sản chung của vợ chồng. Trường hợp có tranh chấp, các bên có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Về nợ chung: Chị V và anh Th đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị V và anh Nguyễn Đình Th. ly hôn.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18-10-2018 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị V phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án

phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị V đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0017765 ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam. Chị V đã nộp xong tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKSND huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Văn Long

